

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 01 – 2019

“Về việc: Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Luận

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Bà Nguyễn Thị Sương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Minh Tấn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long:***  
**không** tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Phương M, sinh năm 1982 – vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1974 – vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị M trình bày:

Vào năm 2002 do quen biết nên đã tiến đến hôn nhân, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện Tam Bình, thời gian hạnh phúc khoảng gần 11 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi và anh C thường xuyên nhậu không lo cho gia đình, nên từ đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2013 cho đến nay không về đoàn tụ lại.

- Về con chung: Chị M trình bày trong quá trình sống chung thì vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/9/2003. Hiện nay đang sống chung với chị M.

- Về tài sản chung: Chị M không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, Nợ phải trả: Chị M không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị M yêu cầu như sau:

Chị M yêu cầu xin được ly hôn với anh C.

**Về con chung:** Chị M yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/9/2003.

Chị M yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000đồng.

- Về tài sản chung: Chị M không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, Nợ phải trả: Chị M không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là anh C Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng cho anh C nhưng anh C vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

*Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:* đã được công bố ngày ngày 24/12/2018

- *Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:*

+ Về hôn nhân: Vào năm 2002 do quen biết nên tiến đến hôn nhân, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tam Bình đây là hôn nhân hợp pháp.

+ Về con chung: Theo trích lục khai sinh của cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/9/2003 do chị M giao nộp cho Tòa án thì xác định chị M và anh C là cha, mẹ ruột của cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/9/2003.

- *Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:*

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và qua hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng anh C không có ý kiến gì bằng văn bản và cũng không đến tham dự nên

không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai đầy đủ thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh C đúng theo quy định pháp luật nhưng anh C không đến, mà nhiều lần vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị M yêu cầu xin được ly hôn với anh C. Về con chung chị M yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/9/2003 và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000đồng, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh C vắng mặt không có lý do.

[3] Xét về hôn nhân: Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C là có cơ sở xem xét. Bởi vì, chị M khai là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi và anh C thường xuyên nhậu không lo cho gia đình, nên từ đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2013 cho đến nay không về đoàn tụ lại.

Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh C theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ;

[4] Xét về con chung: Chị M yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/9/2003. Xét yêu cầu của chị M là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Phương A do chị L trực tiếp nuôi dưỡng tốt, tại bản khai của cháu Phương A nguyện vọng muốn sống với chị M sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị M.

Chị M yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000đồng cho đến khi cháu Phương A tròn 18 tuổi. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị M là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận

[5] Xét về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N 0011224 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Phương M.

- Về hôn nhân: Chị Lê Phương M được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/9/2003 cho chị M nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/9/2003 với số tiền 695.000đ/tháng cho đến khi cháu Phương A tròn 18 tuổi.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N 0011224 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Anh C phải chịu 300.000đồng tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Võ Ngọc Luận**